

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG KTN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG KTN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KTN VIET NAM CONTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0106927186

3. Ngày thành lập: 06/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 46, ngõ 111, phố Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979.600.898

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sản xuất cửa an toàn;	2599
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
6.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
7.	Sản xuất giày dép	1520
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;	4669
12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

13.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Đồ ngũ kim, sơn, sơn bóng, véc ni, gạch, gỗ, ngói, thiết bị vệ sinh;	4752
14.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Đèn, bộ đèn điện, thiết bị gia dụng, hàng gia dụng;	4759
15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
16.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
17.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
18.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
19.	Xây dựng nhà các loại	4100
20.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
21.	Xây dựng công trình công ích	4220
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ gồm có: Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng đường hầm ; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;	4290
23.	Phá dỡ	4311
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chỉ gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Lát sàn gỗ, lát thảm, vãi sơn lót sàn nhà hoặc che phủ bằng giấy tường; Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình xây dựng dân dụng và các công trình khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng, Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác, Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được, Sắp đặt, lợp ngói, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác	4330(Chính)

28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn ô tô;	4511
29.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
30.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;	4520
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô	4530
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
33.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
35.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
36.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
39.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
40.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chỉ gồm có: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi;	4932
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
43.	Cho thuê xe có động cơ	7710
44.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
45.	Đại lý du lịch	7911
46.	Điều hành tua du lịch	7912

47.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
48.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
49.	(Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	QUÁCH ĐĂNG KHÁ	Thôn Tam Tảo, Xã Phú Lâm, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	192.000	1.920.000.000	40	125193586	
			Tổng số	192.000	1.920.000.000	40		
2	NGUYỄN HỮU TRUNG	Thôn Tam Tảo, Xã Phú Lâm, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	144.000	1.440.000.000	30	125193656	
			Tổng số	144.000	1.440.000.000	30		
3	HOÀNG THẾ NINH	Thôn Tam Tảo, Xã Phú Lâm, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	144.000	1.440.000.000	30	125290859	
			Tổng số	144.000	1.440.000.000	30		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: QUÁCH ĐĂNG KHÁ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125193586

Ngày cấp: 18/07/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh bắc ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Tam Tảo, Xã Phú Lâm, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

P305, nhà A4, ngõ 68 Quan Nhân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội